

Bản án số: 15/ 2025/ HNGĐ-ST

Ngày: 15.8.2025.

V/v “Tranh chấp Hôn nhân & gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - NGHỆ AN

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Văn Phú.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đình Thanh,
Ông Nguyễn Bá Tấn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Nhật Thanh - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 6, Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 6 - Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Phương Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 6 - Nghệ An mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 255/2025/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2025 về việc “Tranh chấp Hôn nhân & gia đình”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2025/QĐST- HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2025/QĐST – DS ngày 29/7/2024 giữa:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1994; Nơi cư trú: xóm K, xã T, huyện Y (N là xã V), tỉnh Nghệ An. Vắng mặt (Có đơn đề nghị xử vắng mặt).

Bị đơn: Ông Nguyễn Trạch H, sinh năm 1991; Nơi cư trú: xóm K, xã T, huyện Y (N là xã V), tỉnh Nghệ An. Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Trạch H đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Y, tỉnh Nghệ An vào ngày 21/01/2015. Hôn nhân có tình hình và hoàn toàn tự nguyện. Sau một thời gian chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp, thường xuyên bất đồng quan điểm và không tôn trọng nhau. Đến năm 2017 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, cũng là lúc ông H đi xuất khẩu lao động. Sau đó năm 2023 ông H về N1 cũng không hề quan tâm đến vợ, con và gia đình. Nên vợ chồng vẫn sống ly thân đến khoảng tháng 6/2024 thì vợ chồng hoàn toàn không liên lạc với nhau.

Nay bà N thấy cuộc hôn nhân của vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng. Hiện bà N không còn tình cảm với ông H nữa. Thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được nên bà N đề nghị Tòa án nhân dân huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An (Nay là Tòa án nhân dân khu vực 6 – Nghệ An) giải quyết cho bà được ly hôn với ông H.

2. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Trạch H1, sinh ngày 02/01/2016. Hiện con chung đang ở với bà và ông, bà nội của cháu. Nên ly hôn bà N yêu cầu giao con chung cho bà được tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến lúc con trưởng thành mà không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

3. Về quan hệ tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: Bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra quá trình giải quyết vụ án do ông H không có mặt tại Tòa án để giải quyết vụ án nên bà N có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hoà giải đoàn tụ, không hoà giải các quan hệ khác và đề nghị Tòa án, xác minh thu thập các tài liệu chứng cứ có liên quan để sớm đưa vụ án ra xét xử. Bà N cũng đề nghị Tòa án xem xét giải quyết và xét xử vụ án vắng mặt bà.

Ý kiến của bị đơn: Quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Nguyễn Trạch H vắng mặt không có lý do và không có ý kiến gì về việc ly hôn. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ nhiều lần các văn bản tố tụng cho bị đơn trực tiếp có mặt tại Tòa án để giải quyết nhưng vẫn vắng mặt tất cả các buổi làm việc. Tòa án đã nhiều lần liên hệ trực tiếp với chính quyền địa phương và gia đình ông H để xác minh, tổng đạt văn bản tố tụng cho bị đơn và yêu cầu bị đơn trực tiếp làm việc hoặc gửi bản tự khai trình bày ý kiến, nguyện vọng của mình về nội dung xin ly hôn của nguyên đơn cho Tòa án biết. Các văn bản tố tụng gửi cho bị đơn được Tòa án tổng đạt cho thân nhân và niêm yết công khai theo đúng qui định của pháp luật. Tuy nhiên, bị đơn vẫn cố tình vắng mặt.

Tại Công văn số 1147/CV - QLXNC ngày 26/3/2025 Phòng PA 08 Công an tỉnh N cho biết có thông tin Nguyễn Trạch H, sinh ngày 18/10/1991; thường trú tại xã T, huyện Y, tỉnh Nghệ An đã xuất cảnh, nhập cảnh nhiều lần, lần gần nhất nhập cảnh ngày 23/02/2023 qua Cửa khẩu S, Hà Nội.

Tại các văn bản xác minh đề ngày 02/4/2024 bà Nguyễn Thị T là mẹ đẻ của bị đơn cho biết: Bị đơn Nguyễn Trạch H là con đẻ của bà hiện không có mặt tại địa phương. Việc chị N xin ly hôn anh H có biết nhưng không muốn ly hôn nên không chịu về, ngoài ra không thấy H có ý kiến gì. Hiện nay anh H đang ở M, vào khoảng tháng 3/2024 H có điện thoại về cho bà nhờ lên Xã xin sổ định danh để làm căn cước công dân, nhưng địa chỉ cụ thể thì bà không biết. Ngày 16/5/2025 bà T cho biết khoảng tháng 6/2024 H có liên lạc về gia đình nói với con là hè sẽ về rủ con vô S chơi không? Nhưng sau đó không thấy liên lạc nữa. Đến tháng 11/2024 H có điện thoại cho bà khoảng 02 lần nhưng bà không cầm máy do không biết nhưng sau đó bà có gọi lại không được. Sau đó không liên lạc được, gia đình cũng có anh em trong Miền Nam nhưng cũng không ai liên lạc được chỉ có nó(H) liên lạc được chứ nó chặn số hết nên không

có ý kiến gì.

Ngoài ra bà T còn cam kết thông tin bà cung cấp là đúng sự thật.

Tại phiên Tòa đại diện Viện kiểm sát có ý kiến:

Về tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án thấy rằng Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn đã thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn đúng pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án ông H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không tham gia các buổi làm việc, không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại các điều 70,72 và 227 của Bộ luật tố tụng dân sự nên căn cứ điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành phiên tòa vắng mặt bị đơn là đúng qui định.

Về quan hệ hôn nhân: Đây là hôn nhân hợp pháp quá trình chung sống xảy ra mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được, bà N không mong muốn xây dựng lại cuộc sống hôn nhân với ông H do đã hết tình cảm nên việc xin ly hôn của bà N là có căn cứ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Trạch H1, sinh ngày 02/01/2016. Về việc nuôi dưỡng, chăm sóc con chung sau ly hôn và tiền cấp dưỡng nuôi con bà N đề nghị giao con chung cho bà trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xét thấy, việc yêu cầu được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung của bà N là có cơ sở chấp nhận vì hiện cháu đang do bà và ông bà nội trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, bản thân ông H không có mặt tại địa phương do vậy cần giao con chung cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp qui định của pháp luật và tạm hoãn tiền cấp dưỡng nuôi con cho ông H đến khi bà N có yêu cầu. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Tài sản chung, nợ chung không yêu cầu nên không xem xét.

Về án phí bà N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo qui định.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ các chứng cứ, ý kiến của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về tố tụng*: Vụ án Hôn nhân và Gia đình tuy không có tranh chấp về tài sản chung, nợ chung. Nhưng Tòa án phải tiến hành thu thập chứng cứ, tài liệu nên thuộc trường hợp Viện kiểm sát phải tham gia phiên tòa theo quy định tại khoản 2 Điều 21 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Tranh chấp về Hôn nhân và Gia đình là loại tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Tại thời điểm Nguyên đơn xin ly hôn bị đơn cư trú tại xóm K, xã T, huyện Y (N là xã V), tỉnh Nghệ An. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An (Nay là Tòa án nhân dân khu vực 6 - Nghệ An) theo quy định tại khoản 1 Điều 28 khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thủ tục hòa giải: Tòa án đã gửi thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải nhiều lần nhưng bị đơn vẫn cố tình vắng mặt. Nguyên đơn bà N đã có đơn yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải đoàn tụ và hoà giải các quan hệ khác nên vụ án thuộc trường hợp không hòa giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của đương sự: Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn không có mặt, Tòa án đã triệu tập họp lệ lần thứ hai trở lên và cũng không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Nguyên đơn có mặt và đã trình bày đầy đủ ý kiến, nguyện vọng về việc giải quyết vụ án. Tại phiên tòa nguyên đơn vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do. Vì vậy căn cứ khoản 1 Điều 228, điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành phiên tòa vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

Như vậy, thấy đã có đủ căn cứ xác định bị đơn là Ông Nguyễn Trạch H, sinh năm 1991; Nơi cư trú: xóm K, xã T, huyện Y (N là xã V), tỉnh Nghệ An thường xuyên vắng nhà và có liên hệ với thân nhân là mẹ đẻ nhưng vẫn cố tình không hợp tác với Tòa án để giải quyết tranh chấp theo đúng qui định. Vì vậy Tòa án coi đây là trường hợp bị đơn cố tình trốn tránh, từ chối khai báo, từ chối cung cấp những tài liệu cần thiết. Bị đơn không có yêu cầu phản tố, Tòa án đã triệu tập họp lệ đến lần thứ hai trở lên mà vẫn vắng mặt nên vẫn đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Trạch H là hôn nhân hợp pháp, vợ chồng kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn vào ngày 21/01/2015 tại UBND xã T, huyện Y (N là xã V), tỉnh Nghệ An. Hôn nhân có tình cảm và hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận và đến đầu năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn trầm trọng từ đó cho đến nay. Vợ chồng cũng đã sống ly thân từ đó đến nay. Vợ chồng không còn quan tâm đến nhau nữa nên bà N xác định tình cảm vợ chồng không còn nữa, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống hôn nhân không có hạnh phúc nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông H để sớm ổn định cuộc sống. Ông Nguyễn Trạch H đã biết việc bà N xin ly hôn nhưng không hợp tác với Tòa án, không có ý kiến nguyện vọng gì bằng văn bản về việc giải quyết vụ án.

Như vậy, thực tế vợ chồng đã sống ly thân, thấy vợ chồng mỗi người sinh sống một nơi không còn quan tâm gắn kết gia đình với nhau nữa, bản thân bà N đã dứt khoát ly hôn, ông H không có ý kiến thể hiện việc níu kéo hạnh phúc gia đình nên có căn cứ xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không có, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó có đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn để xử cho bà Nguyễn Thị N được ly hôn với ông Nguyễn Trạch H theo qui định tại điều 56 Luật hôn nhân & gia đình.

[3] *Về con chung*: Vợ chồng chỉ có 01 con chung là Nguyễn Trạch H1, sinh ngày 02/01/2016. Xét thấy, việc yêu cầu được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung của bà N là có cơ sở chấp nhận vì hiện cháu H1 đang do bà N và ông bà nội của cháu trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, bản thân ông H thường

xuyên vắng nhà không có điều kiện trực tiếp nuôi con hơn nữa cháu H1 cũng có nguyện vọng được ở với mẹ là bà N nên chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Về cấp dưỡng nuôi con bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5]. *Về án phí*: Bà N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban T1 vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

[6]. *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo qui định tại các điều 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các điều 28, 39, khoản 4 điều 147, khoản 4, điều 207, điều 227, khoản 1 điều 228, điều 238, điều 271, điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Các điều 51, điều 56, điều 81, điều 82, điều 83 và điều 84 và Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 3 điều 4 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong việc giải quyết vụ việc về Hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Na .

1.1. Về quan hệ hôn nhân:

Bà Nguyễn Thị N được ly hôn với ông Nguyễn Trạch H.

1.2. Về con chung:

Giao con chung của vợ chồng là Nguyễn Trạch H1, sinh ngày 02/01/2016 cho bà Nguyễn Thị N được trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục sau khi ly hôn cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo qui định của pháp luật. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng bà N cho ông Nguyễn Trạch H.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích mọi mặt của con, khi có lý do chính đáng hoặc có căn cứ theo quy định của pháp luật các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

1.3. Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng:

Bà Nguyễn Thị N không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Án phí của bà N được khấu trừ theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006489 ngày 19/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An (Nay là Phòng Thi hành án Dân sự khu vực 6 - Nghệ An thuộc Thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An).

3. Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Trạch H đều vắng mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt, niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An;
- Sở Tư pháp tỉnh Nghệ An;
- Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 6 – Nghệ An;
- THADS tỉnh Nghệ An (phòng THADS Khu vực 6 – Nghệ An);
- UBND xã Vân Du, tỉnh Nghệ An
- Dương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Văn Phú